

KIẾN THỨC VỀ UNG THƯ CỔ TỬ CUNG VÀ VẮC XIN NGỪA HPV Ở SINH VIÊN ĐẠI HỌC Y DƯỢC TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Huỳnh Giao¹, Nguyễn Hồng Khánh¹

TÓM TẮT

Mục tiêu: Xác định tỷ lệ sinh viên có kiến thức đúng về bệnh ung thư cổ tử cung và vắc xin ngừa Human Papillomavirus (HPV) ở khoa Y tế Công cộng Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh năm 2021.

Đối tượng và phương pháp: Nghiên cứu cắt ngang mô tả được thực hiện từ tháng 05 đến tháng 06 năm 2021, trên sinh viên nữ ở khoa Y tế Công cộng Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh. Dữ liệu được thu thập thông qua bộ câu hỏi tự điền.

Kết quả: Tất cả 194 sinh viên đã tham gia và hoàn thành bộ câu hỏi khảo sát, tỷ lệ có kiến thức đúng về bệnh ung thư cổ tử cung và vắc xin ngừa HPV chiếm 79,4%. Khoảng một nửa số sinh viên (53,6%) có kiến thức không đúng về đường lây truyền của HPV. Nguồn thông tin tiếp cận nhiều nhất là từ bác sĩ chuyên khoa và tivi. Kết quả cho thấy có mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa năm học, ngành học và xếp loại kết quả học tập của sinh viên với kiến thức về bệnh ung thư cổ tử cung và vắc xin ngừa HPV ($p < 0,05$).

Kết luận: Sinh viên có kiến thức đúng về bệnh ung thư cổ tử cung và vắc xin ngừa HPV chiếm tỷ lệ khá cao. Tuy nhiên, còn tồn tại kiến thức không đúng về đường lây truyền. Vì vậy, các chương trình giáo dục sức khỏe cần được tiếp tục để nâng cao kiến thức và các biện pháp phòng ngừa HPV.

Từ khóa: kiến thức, sinh viên, ung thư cổ tử cung

ABSTRACT

KNOWLEDGE TOWARDS CERVICAL CANCER AND HPV VACCINE AMONG STUDENTS IN UNIVERSITY OF MEDICINE AND PHARMACY AT HO CHI MINH CITY

Huynh Giao, Nguyen Hong Khanh

* Ho Chi Minh City Journal of Medicine * Vol. 26 - No 1 - 2022: 350-355

Objectives: To determine the percentage of students had correct knowledge about cervical cancer and Human Papillomavirus (HPV) vaccine among female students of the Faculty of Public Health, University of Medicine and Pharmacy at Ho Chi Minh City in 2021.

Methods: A descriptive cross-sectional study is considered between May to June 2021 among female students studied at the Faculty of Public Health, University of Medicine and Pharmacy, Ho Chi Minh City via a self-administered questionnaire.

Results: A total of 194 female students completed the survey, 79.4% of students had correct knowledge about cervical cancer and HPV vaccine, more half of the participants (53.6%) did not know the transmission route of the HPV. The main sources of information were specialists and television. The results showed that there was a statistically significant relationship between year of education, major, ranking students by their academic performance, and overall knowledge about cervical cancer and HPV vaccine ($p < 0.05$).

Conclusion: the correct knowledge about cervical cancer and HPV vaccine accounted for a fair high percentage. However, it still exists many misconceptions about transmission. Therefore, health education programs should be continued to improve knowledge and prevention measures toward HPV.

¹Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh

Tác giả liên lạc: TS.BS. Huỳnh Giao

ĐT: 0908608338

Email: hgiaoytcc@ump.edu.vn

Keywords: knowledge, student, cervical cancer

ĐẶT VẤN ĐỀ

Ung thư cổ tử cung (UTCTC) là bệnh ác tính của biểu mô lát hoặc biểu mô tuyến cổ tử cung, xếp thứ tư trong số ung thư thường gặp ở phụ nữ trên thế giới và đứng hàng thứ hai trong các ung thư sinh dục ở nữ giới tại Việt Nam⁽¹⁾. Vi rút gây u nhú (HPV) là một trong những nhiễm trùng lây truyền qua đường tình dục thường gặp nhất, 70-80% phụ nữ có quan hệ tình dục bị nhiễm ít nhất 1 type HPV. Tỷ lệ nhiễm HPV cao nhất thường thấy ở phụ nữ trẻ <25 tuổi. Hầu hết nhiễm HPV thì thoáng qua và không có triệu chứng. Tuy nhiên, những trường hợp nhiễm kéo dài có thể gây ra những bệnh có liên quan đến HPV như: mụn cóc sinh dục và ung thư cổ tử cung. Đặc biệt, các type HPV có nguy cơ cao được ước tính là gây ra hơn 99% trường hợp ung thư cổ tử cung trên toàn thế giới⁽²⁾. Do đó, điều quan trọng nhất là kiểm soát được nhiễm HPV để ngăn ngừa các bệnh lây truyền qua đường tình dục và ung thư cổ tử cung. Sinh viên của Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh (UMP) là những nhân viên y tế trong tương lai, sẽ đóng một vai trò quan trọng trong các chương trình tiêm chủng trong tương lai, do đó kiến thức và thái độ của họ sẽ ảnh hưởng đến các khuyến cáo cho người dân. Hiện tại, có nhiều nghiên cứu về kiến thức liên quan đến HPV đã được đánh giá ở các sinh viên y khoa ở các nước khác⁽³⁾⁽⁴⁾. Tuy nhiên, có rất ít tài liệu được báo cáo trên sinh viên tại UMP. Do đó, mục tiêu của nghiên cứu nhằm xác định tỷ lệ sinh viên tại khoa Y tế Công cộng có kiến thức đúng về bệnh ung thư cổ tử cung và vắc xin HPV để phát triển các chương trình giáo dục sức khỏe hiệu quả cho sinh viên y khoa về các vấn đề sức khỏe cộng đồng quan trọng này.

ĐỐI TƯỢNG-PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Đối tượng nghiên cứu

Tất cả sinh viên nữ học tập tại khoa Y tế Công cộng Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh từ tháng 05 đến tháng 06 năm 2021.

Tiêu chuẩn chọn vào

Tất cả sinh viên nữ đang học tại khoa Y tế Công cộng, Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh trong thời gian nghiên cứu và đồng ý tham gia nghiên cứu.

Tiêu chuẩn loại ra

Sinh viên trả lời ít hơn 80% bộ câu hỏi đánh giá kiến thức bệnh ung thư cổ tử cung và vắc xin HPV.

Phương pháp nghiên cứu

Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu cắt ngang mô tả.

Các bước tiến hành

Sử dụng phương pháp chọn mẫu phân tầng theo ngành học và năm học để chọn 194 sinh viên nữ tại 6 lớp Bác sĩ Y học dự phòng, 4 lớp Cử nhân Y tế Công cộng, và 3 lớp Cử nhân Dinh dưỡng. Nghiên cứu viên gặp đối tượng và mời tham gia vào nghiên cứu. Nghiên cứu viên giải thích rõ nội dung, mục đích của nghiên cứu và hướng dẫn cho đối tượng kí tên đồng thuận tham gia trả lời bộ câu hỏi tự điền. Nghiên cứu viên sẽ phát phiếu tự điền, quan sát đối tượng thực hiện, và kiểm tra lại tất cả thông tin của bộ câu hỏi.

Bộ công cụ thu thập có 03 phần bao gồm (1) thông tin chung của đối tượng tham gia nghiên cứu gồm: năm học, ngành học, dân tộc, tôn giáo, tình trạng kinh tế gia đình, nơi thường trú, kết quả học tập, và tình trạng tiêm ngừa HPV; (2) nguồn thông tin về vắc-xin HPV; (3) và 9 câu hỏi kiến thức về UTCTC và vắc xin ngừa HPV⁽⁵⁾.

Định nghĩa các biến số chính

Mỗi câu hỏi về kiến thức được đánh giá đúng và không đúng, với mỗi câu trả lời đúng được cho 1 điểm và trả lời không đúng được cho 0 điểm. Điểm kiến thức chung được ghi nhận từ 0 (không có câu trả lời đúng) đến 9 điểm (tất cả các câu trả lời đều đúng), điểm cắt ≥ 7 điểm được xem là đủ kiến thức và < 7 điểm được đánh giá không đủ kiến thức⁽⁶⁾.

Phương pháp thống kê

Tất cả số liệu được nhập bằng phần mềm Epidata 3.1 và phân tích bằng phần mềm Stata 14. Tần số và tỷ lệ (%) được dùng để mô tả biến định tính (đặc điểm dân số, kiến thức về bệnh UTCTC, nguồn thông tin về vắc xin HPV). Sử dụng phép kiểm Chi bình phương hoặc phép kiểm chính xác Fisher (khi có lớn hơn 20% số ô có giá trị vọng trị nhỏ hơn 5 hoặc có 1 ô có giá trị vọng trị nhỏ hơn 1) để xác định mối liên quan giữa kiến thức về UTCTC và vắc xin HPV với đặc điểm dân số xã hội. Ước lượng mức độ liên quan được tính bằng tỷ số tỷ lệ hiện mắc PR (Prevalence ratio) với khoảng tin cậy (KTC) 95%, $p < 0,05$ được xác định có ý nghĩa thống kê.

Y đức

Nghiên cứu đã được thông qua Hội đồng Đạo đức trong nghiên cứu Y sinh học Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh, số 359/HĐĐĐ-ĐHYD, kí ngày 26/05/2021.

KẾT QUẢ

Đặc điểm dân số-xã hội của đối tượng nghiên cứu

Bảng 1. Đặc điểm dân số - xã hội của đối tượng nghiên cứu (N=194)

Đặc điểm	N (%)
Năm học	
Năm 1	48 (24,7)
Năm 2	47 (24,3)
Năm 3	39 (20,1)
Năm 4	34 (17,5)
Năm 5	16 (8,2)
Năm 6	10 (5,2)
Ngành học	
Y học dự phòng	100 (51,5)
Y tế công cộng	44 (22,7)
Dinh dưỡng	50 (25,8)
Dân tộc (Kinh)	176 (90,7)
Tôn giáo (có)	61 (31,4)
Tình trạng kinh tế gia đình	
Khó khăn/ Trung bình	149 (76,8)
Khá giả	45 (23,2)
Nơi thường trú(thành phố)	86 (44,3)
Kết quả học tập	
Xuất sắc/ Giỏi	28 (14,4)
Khá/ Trung bình khá	130 (67,0)
Trung bình/ Yếu	36 (18,6)
Tiêm ngừa HPV (có)	49 (25,3)

Có hơn 50% sinh viên ngành Y học dự phòng và kết quả học tập là khá hoặc trung bình khá (67,0%). Đa số sinh viên tham gia khảo sát là người dân tộc Kinh, không tôn giáo và gia đình sống ở nông thôn. Có 25,3% sinh viên đã tiêm ngừa HPV.

Bảng 2. Nguồn thông tin về vắc xin HPV (N=194)

Các nguồn thông tin	N (%)
Tivi	142 (73,2)
Internet	135 (69,6)
Bạn bè/ người thân	129 (66,5)
Bác sĩ chuyên khoa	190 (97,9)
Khác	73 (37,6)

Phần lớn sinh viên nhận được thông tin tiêm ngừa từ bác sĩ chuyên khoa (97,9%) và tivi (73,2%), nguồn thông tin từ internet và bạn bè người thân chiếm tỷ lệ gần 70%.

Kiến thức về ung thư cổ tử cung và vắc xin ngừa HPV

Bảng 3. Kiến thức về UTCTC và vắc xin HPV của đối tượng nghiên cứu (N=194)

Các biến số	N (%)
UTCTC là bệnh nguy hiểm	190 (97,9)
Tất cả phụ nữ có khả năng mắc bệnh UTCTC	186 (95,9)
Nam giới có khả năng nhiễm HPV	140 (72,2)
Tác nhân gây bệnh UTCTC có thể do HPV	162 (83,5)
Đường lây của HPV qua quan hệ tình dục	90 (46,4)
Nhiễm HPV thường không có triệu chứng	163 (84,0)
Có thể phòng ngừa HPV bằng cách tiêm ngừa	188 (96,9)
Tuổi phù hợp tiêm HPV từ 12-26 tuổi	170 (87,6)
Số mũi tiêm của vắc-xin ngừa HPV là 3 mũi	155 (79,9)
Kiến thức chung đúng	154 (79,4)

Đa số sinh viên có kiến thức đúng về bệnh ung thư cổ tử cung, chiếm tỷ lệ gần 80,0%, tuy nhiên, kiến thức về đường lây của HPV qua quan hệ tình dục và nam giới có khả năng nhiễm HPV chiếm tỷ lệ thấp nhất, lần lượt là 46,4% và 72,2%.

Mối liên quan giữa kiến thức về UTCTC và vắc xin ngừa HPV và đặc tính của nghiên cứu

Có mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa năm học, ngành học và kết quả học tập với kiến thức về ung thư cổ tử cung. Cụ thể, những sinh viên học năm thứ 2 đến năm thứ 6 thì có kiến thức cao hơn sinh viên năm 1 ($p < 0,001$), những sinh viên ngành Y học dự phòng có kiến thức tốt

hơn sinh viên học ngành Y tế công cộng và dinh dưỡng ($p < 0,05$). Ngoài ra, những sinh viên có xếp loại học lực xuất sắc hoặc giỏi thì có kiến

thức cao hơn những sinh viên xếp loại khá hoặc trung bình hoặc yếu ($p < 0,05$).

Bảng 4. Mối liên quan giữa kiến thức về UTCTC và vắc xin ngừa HPV với χ^2 tính của mẫu nghiên cứu (N=194)

Đặc điểm	Kiến thức về UTCTC		p	PR (KTC 95%)
	Đủ, n (%)	Chưa đủ, n (%)		
Năm học				
Năm 1	24 (50,0)	24 (50,0)	<0,001	1
Năm 2	35 (74,5)	12 (25,5)		1,15 (1,10-1,20)
Năm 3	38 (97,4)	1 (2,6)		1,32 (1,20-1,44)
Năm 4	31 (91,2)	3 (8,8)		1,51 (1,31-1,73)
Năm 5	16 (100,0)	0 (0,0)		1,73 (1,44-2,08)
Năm 6	10 (100,0)	0 (0,0)		1,99 (1,58-2,50)
Ngành học				
Y học dự phòng	93 (93,0)	7 (7,0)	<0,001	1
Y tế công cộng	26 (59,1)	18 (40,9)		0,64 (0,49-0,82)
Dinh dưỡng	35 (70,0)	15 (30,0)		0,75 (0,62-0,91)
Dân tộc				
Kinh	140 (79,5)	36 (20,5)	0,769*	1
Khác	14 (77,8)	4 (22,2)		1,02 (0,79-1,32)
Tôn giáo				
Có	45 (77,8)	16 (26,2)	0,191	1
Không	109 (82,0)	24 (18,0)		0,90 (0,76-1,07)
Tình trạng kinh tế gia đình				
Khó khăn/ Trung bình	117 (78,5)	32 (21,5)	0,591	1
Khá giả	37 (82,2)	8 (17,8)		0,96 (0,81-1,12)
Nơi thường trú				
Thành phố	68 (79,1)	18 (20,9)	0,924	1
Nông thôn	86 (79,6)	22 (20,4)		0,99 (0,86-1,15)
Kết quả học tập				
Xuất sắc/ Giỏi	27 (96,4)	1 (3,6)	0,001	1
Khá/ Trung bình khá	103 (79,2)	27 (20,8)		0,82 (0,73-0,92)
Trung bình/ Yếu	24 (66,7)	12 (33,3)		0,69 (0,54-0,88)
Tiêm ngừa HPV				
Có	42 (85,7)	7 (14,3)	0,205	1
Không	112 (77,2)	33 (22,8)		1,11 (0,96-1,28)

*Kiểm định chính xác Fisher

BÀN LUẬN

Nghiên cứu đã được thực hiện trên 194 sinh viên nữ tại khoa Y tế Công cộng, Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh, với đa số đối tượng tham gia là sinh viên ngành Y học dự phòng và có kết quả học tập xếp loại khá hoặc trung bình khá. Phần lớn sinh viên nhận được thông tin tiêm ngừa HPV từ bác sĩ chuyên khoa (97,9%) và tivi (73,2%), điều này cũng cho thấy phù hợp với kết quả của các nghiên cứu trước đây của tác giả Lục Thị Cúc nghiên cứu trên sinh viên nữ năm nhất tại Học viện Hành chính Quốc gia⁽⁷⁾. Do đó, các

chiến lược truyền thông cần tập trung đến các nguồn thông tin này để tăng độ bao phủ kiến thức về UTCTC và tăng khả năng chấp nhận tiêm ngừa cho tất cả sinh viên ở độ tuổi tiêm ngừa.

Kết quả cho thấy tỷ lệ sinh viên có kiến thức đúng chiếm khoảng ba phần tư (79,4%), và vẫn còn nhiều sinh viên không biết đường lây truyền của HPV qua quan hệ tình dục và nam giới có khả năng nhiễm HPV, chiếm tỷ lệ lần lượt là 46,4% và 72,2%. Kết quả này phù hợp với nghiên cứu của Gol I. thực hiện tại một trường Đại học ở

Thổ Nhĩ Kỳ, khi chỉ có 50,9% sinh viên biết rằng HPV lây qua đường tình dục⁽⁸⁾, hay nghiên cứu của Cao Thị San Hà trên phụ nữ từ 18-49 tuổi cũng cho kết quả tương tự⁽⁹⁾. Kiến thức không đúng về đường lây truyền có thể cản trở cho việc phòng ngừa lây nhiễm HPV trong cộng đồng ở cả nam và nữ giới, và góp phần tăng tỷ lệ mắc bệnh UTCTC sau này.

Có khoảng 20% sinh viên không biết HPV có thể gây bệnh UTCTC và nhiễm HPV thường không có triệu chứng, điều này có thể ảnh hưởng đến khả năng chấp nhận tiêm ngừa HPV. Tỷ lệ đã tiêm ngừa HPV ở sinh viên còn thấp đạt 25,3% nhưng tỷ lệ này vẫn cao hơn so với các nghiên cứu khác cũng trên đối tượng sinh viên như tại Ba Lan tỷ lệ này là 8,5%⁽¹⁰⁾, ở Li-băng là 16,5%⁽¹¹⁾, ở Trung Quốc là 9,5%⁽¹²⁾. Do đó, cần tìm hiểu thêm lý do không tiêm ngừa để có những biện pháp hỗ trợ nhằm tăng tỷ lệ tiêm ngừa đầy đủ. Nghiên cứu đã cho thấy mối liên quan có ý nghĩa thống kê và có tính khuynh hướng giữa năm học và kiến thức đúng về bệnh ung thư cổ tử cung và vắc xin ngừa HPV. Theo đó, sinh viên có số năm học càng cao thì tỷ lệ kiến thức đúng về bệnh ung thư cổ tử cung và vắc xin ngừa HPV càng cao. Nghiên cứu ghi nhận ở những sinh viên năm 1 và 2 có kiến thức đúng về bệnh ung thư cổ tử cung và vắc xin ngừa HPV là chưa cao. Điều này tương đồng với nghiên cứu của Daniel CL (2021) trên sinh viên y khoa ở Alabama, Hoa Kỳ⁽¹³⁾. Kết quả này có thể do chương trình học của sinh viên năm đầu chỉ học các môn học cơ bản và những sinh viên cũng chưa đi thực hành ở bệnh viện, trong khi những sinh viên năm cuối đã được thực hành về sản phụ khoa nên kiến thức cao hơn, biết được sự nguy hiểm của bệnh, nên khả năng tiêm ngừa cũng cao hơn. Do đó, trong chương trình giáo dục sức khỏe và câu lạc bộ truyền thông về sức khỏe sinh sản cần có các chuyên đề về các bệnh có thể phòng ngừa được bằng vắc xin, để các sinh viên có thêm kiến thức và khả năng tiếp cận vắc xin HPV tốt hơn. Ngoài ra, nghiên cứu không tìm thấy sự khác biệt có ý nghĩa thống kê

giữa nhóm đã tiêm và chưa tiêm HPV với kiến thức về bệnh ung thư cổ tử cung. Điều này chỉ ra rằng, chúng ta cần truyền thông giáo dục sức khỏe cho tất cả các sinh viên nữ kể cả sinh viên đã tiêm ngừa HPV.

KẾT LUẬN

Sinh viên có kiến thức đúng về bệnh ung thư cổ tử cung và vắc xin ngừa HPV chiếm tỷ lệ khá cao. Tuy nhiên, còn tồn tại kiến thức không đúng về đường lây truyền. Vì vậy, các chương trình truyền thông giáo dục sức khỏe cần đư ợc tiếp tục để nâng cao kiến thức về các biện pháp phòng ngừa HPV.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Y Tế (2019) Hướng dẫn dự phòng và kiểm soát ung thư cổ tử cung. URL: https://mch.moh.gov.vn/Upload/Documents/2019/6/773e34e8b9750399528e413797fb0eff-QD_2402_QD-BYT_%20Huong%20dan%20Du%20phong%20va%20kiem%20soat%20K%20CTC.pdf, truy cập ngày 17/08/2021.
2. Wen Y, Pan XF, Zhao ZM, et al (2014). Knowledge of human papillomavirus (HPV) infection, cervical cancer, and HPV vaccine and its correlates among medical students in Southwest China: a multi-center cross-sectional survey. *Asian Pac J Cancer Prev*, 15(14):5773-5779.
3. Mccusker SM, Macqueen I, Lough G, et al (2013). Gaps in detailed knowledge of human papillomavirus (HPV) and the HPV vaccine among medical students in Scotland. *BMC Public Health*, 13:264
4. Al-Darwish AA, Al-Naim AF, Al-Mulhim KS, et al (2014). Knowledge about cervical cancer early warning signs and symptoms, risk factors and vaccination among students at a medical school in Al-Ahsa, Kingdom of Saudi Arabia. *Asian Pac J Cancer Prev*, 15:2529-32.
5. Davis EN (2015). Young adults' awareness and knowledge of Human papillomavirus, Oropharyngeal cancer, and the HPV vaccine. The University of Western Ontario London, Ontario, Canada, 3384.
6. Bloom BS (1956) Taxonomy education, In: Ralph WT Taxonomy of Educational Objectives, V1, pp.25-86. *David McKay Company*, New York.
7. Lục Thị Cúc (2017) Kiến thức, thực hành về phòng bệnh ung thư cổ tử cung và các yếu tố liên quan ở sinh viên nữ năm Nhất tại Học viện Hành chính Quốc gia cơ sở Thành phố Hồ Chí Minh năm 2017. *Khóa Luận Tốt Nghiệp Cử Nhân Y Tế Công Cộng*, Khoa Y tế công cộng, Đại học Y Dược TP. HCM.
8. Gol I, Erkin O (2016). Knowledge and practices of nurses on cervical cancer, HPV and HPV vaccine in Cankiri state hospital, Turkey. *J pak Med Assoc*, 66(12):1621-1626.
9. Cao Thị San Hà (2017) Kiến thức, thái độ, hành vi về phòng ngừa ung thư cổ tử cung của phụ nữ từ 18-49 tuổi tại huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương năm 2017. *Khóa Luận Tốt Nghiệp Cử Nhân Xét Nghiệm Y học Dự phòng*, Đại học Y Dược TP. HCM.

10. Wojciech K, Katarzyna J, Krzysztof AT, Mirosława P, Krzysztof K (2012). Assessment of knowledge about cervical cancer and its prevention among female students aged 17-26 years. *Eur J Obstet Gynecol Reprod Biol*, 166(2):196-203.
11. Dany M, Chidiac A, Nassar AH (2015). Human papillomavirus vaccination: assessing knowledge, attitudes, and intentions of college female students in Lebanon, a developing country. *Vaccine*, 33(8):1001-1007.
12. Liu Y, Di N, Tao X (2020). Knowledge, practice and attitude towards HPV vaccination among college students in Beijing, China. *Hum Vaccin Immunother*, 16(1):116-123.
13. Daniel CL, McLendon L, Green CL, et al (2021). HPV and HPV Vaccination Knowledge and Attitudes Among Medical Students in Alabama. *J Cancer Educ*, 36(1):168-177.

Ngày nhận bài báo: 06/10/2021

Ngày nhận phản biện nhận xét bài báo: 10/02/2022

Ngày bài báo được đăng: 15/03/2022